

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HS-ST

Ngày 11-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Trung;
2. Bà Lê Thu Trà.

Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Đức Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Quốc L; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 13/02/1974, tại thị xã D, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú hiện nay: khu 4, Phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 3 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có; bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 01/11/1964, tại thị xã D, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú hiện nay: Khu T, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn S và bà: Không Thị L; có vợ và 3 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/02/1999, bị Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong Bản án ngày 03/9/2014. Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp

tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/6/1964, tại thị xã D, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú hiện nay: Khu 4, phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn S và bà: Trần Thị T; có vợ và 2 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: + Ngày 23/02/1981, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh, xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa”. + Ngày 27/7/1981, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh, xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản riêng của công dân”, tổng hợp hình phạt với bản án 09 tháng tù, tổng hình phạt T phải chấp hành là 24 tháng tù. Đã chấp hành xong Bản án ngày 30/12/1983. Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

4. Họ và tên: Khổng Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/4/1974, tại thị xã D, tỉnh Quảng Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Cư trú hiện nay: Khu 4, phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Khổng Văn N và bà: Nguyễn Thị L; có vợ và 2 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/5/1997, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều), tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Đã chấp hành xong Bản án ngày 29/5/1998; bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Thị L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 28/10/1978, tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú hiện nay: Khu 4, phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn L và bà: Nguyễn Thị N; có chồng và 2 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/12/1976, tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú hiện nay: Khu 4, phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Hữu D và bà: Nguyễn Thị L. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Khổng Văn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 30/4/1980, tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú/Cư trú hiện nay: Khu 4, phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt

Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Khổng Văn K và bà: Nguyễn Thị H; Có vợ và 3 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Chu Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 22/02/1986, tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú hiện nay: Khu 4, phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Chu Văn M và bà: Nguyễn Thị N. Có vợ và 2 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Khổng Minh T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 01/01/1974, tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú hiện nay: Khu 4, phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Khổng Minh T, sinh năm 1950 và bà: Nguyễn Thị N. Có vợ và 2 con; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Phạm Văn H; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam. Sinh ngày: 14/9/1966, tại thị xã D, tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu B, Phường H, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú hiện nay: Khu Bình Lục Thượng, phường Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phạm Văn H và bà: Nguyễn Thị B. Có vợ và 2 con. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/3/2022 đến ngày 25/3/2022 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nhau, nên Nguyễn Quốc L có mời Khổng Văn H, Nguyễn Thị L, Khổng Minh T, Khổng Văn T và Phạm Văn H đến 19 giờ ngày 23/3/2022, đến nhà Nguyễn Quốc L ở Khu 4, phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh, để cùng nhau ăn cơm, thì mọi người đồng ý. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi mọi người ăn cơm xong, thì có Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đến chơi. Sau đó, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn T rủ Phạm Văn H và Khổng Văn T đánh bạc bằng hình thức đánh “phỏm” và đánh “lóc” thắng thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Thấy vậy, Nguyễn Quốc L đã cung cấp 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, chải thăm đồ xuống nền nhà để cho các đối tượng đánh bạc thắng thua bằng tiền trên hai chiếu bạc tại tầng hai nhà của Luật để thu tiền “hồ”. Tuy nhiên, do thiếu người đánh bạc với Nguyễn Thị L, Khổng Minh

T và Không Văn H nên Nguyễn Quốc L đã gọi điện thoại di động cho Nguyễn Văn T1 rủ đến nhà Nguyễn Quốc L đánh bạc thì T1 đồng ý và đi đến nhà L. Sau đó Nguyễn Quốc L đã cung cấp bộ bài tú lơ khơ, cho Nguyễn Thị L, Không Minh T, Không Văn H và T1 đánh bạc tại bên ngoài phòng ngủ thứ hai trên tầng hai. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Chu Văn T đến nhà Nguyễn Quốc L rồi lên tầng hai tham gia đánh bạc cùng Nguyễn Thị L, Không Minh T, Hưng và T1. Cụ thể, Nguyễn Quốc L đã tổ chức cho 09 (chín) người đánh bạc bằng hình thức “Đánh phỏm” và “Đánh lốc” thắng thua bằng tiền tại 02 (hai) chiếu bạc tại khu vực tầng hai nhà Nguyễn Quốc L để thu tiền “hồ”, trong đó:

Chiếu thứ nhất: gồm Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Phạm Văn H, Không Văn T đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức “đánh phỏm”, các đối tượng thống nhất cách thức đánh “phỏm” như sau: Chia bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân cho bốn người, mỗi người 09 (chín) quân bài, người đánh đầu tiên được chia 10 (mười) quân bài, phần còn lại là bài lọc, những người chơi lần lượt bốc đến khi hết. Người chơi sắp xếp các quân bài để tạo thành các phỏm. Phỏm ngang: có 03 (ba) hoặc 04 (bốn) quân bài cùng một hàng; phỏm dọc: có ít nhất từ 03 (ba) đến 09 (chín) quân bài liên tiếp cùng chất. Quá trình chơi, nếu bài của ai có các phỏm và không còn quân bài lẻ gọi là “bài ù” thì những người chơi còn lại phải trả cho người có “bài ù” 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nếu không có bài ù, thì người chơi sẽ hạ phỏm rồi cộng điểm. Người có số điểm thấp nhất sẽ thắng, người có số điểm cao hơn lần lượt được tính theo thứ tự hai, ba và bốn phải trả cho người thắng số tiền là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Trường hợp, không có phỏm (hay gọi là cháy) thì người đó phải trả cho người thắng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); quân bài chót sẽ mất 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cho người “ăn” lá bài đó. Với mỗi ván “bài ù”, người “ù” sẽ trả cho Luật 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền “hồ”.

Trước khi đánh bạc Nguyễn Văn T bỏ ra 2.000.000đ (hai triệu đồng); Không Văn T bỏ ra 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng); Phạm Văn H bỏ ra 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn Đ bỏ ra 3.100.000đ (ba triệu đồng). Quá trình đánh bạc, do chưa có ai có ván bài “Ù” nên Nguyễn Quốc L chưa thu được tiền hồ.

Chơi “đánh phỏm” được khoảng một lúc, thì cả nhóm chuyển sang đánh bạc dưới hình thức đánh lốc với 10.000đ/ lá rồi cả nhóm thống nhất cách thức “đánh lốc” như sau: Chia đều bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân bài cho bốn người chơi, mỗi người 10 (mười) quân, người nào đánh hết bài trước là người thắng, ba người còn quân bài trên tay thì bị tính thua và phải trả tiền cho người thắng, tương ứng với số tiền 10.000đ/quân nhân với số quân bài còn lại; Khi có người chơi “báo lốc”, nếu không ai bắt được thì những người chơi còn lại bị thua, mỗi người phải trả cho người “báo lốc” số tiền là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); nếu có người bắt được bài “báo lốc” thì người bị bắt phải trả 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) cho người đã bắt được. Ai bị chặt “tứ quý” nghĩa là có bốn quân giống nhau chặt người có hai, thì phải trả cho người có “tứ quý” là 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Nếu ai không đánh được quân bài nào thì bị coi là “Lũng” và phải trả cho người thắng 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Với mỗi ván bài có “báo lốc” thì người thắng sẽ trả cho Nguyễn Quốc L 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) tiền “hồ”. Quá trình đánh bạc, do chưa có ai có ván bài báo nên Nguyễn Quốc L chưa thu được tiền hồ.

Chiếu thứ hai: gồm T1, Nguyễn Thị L, Khổng Văn H, Khổng Minh T và Chu Văn T, đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức “đánh lốc” với 5.000đ/quân. Cách thức và luật chơi “đánh lốc” như sau: Nếu có người chơi “báo lốc”, nếu không ai bắt được thì những người chơi còn lại bị thua, mỗi người phải trả cho người “báo lốc” số tiền là 100.000đ (một trăm nghìn đồng); nếu có người bắt được bài “báo lốc” thì người bị bắt phải trả 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) cho người đã bắt được. Ai bị chặt “tứ quý” nghĩa là có bốn quân giống nhau chặt người có hai, thì phải trả cho người có “tứ quý” là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Nếu ai không đánh được quân bài nào thì bị coi là “Lũng” và phải trả cho người thắng 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng). Với mỗi ván bài có “báo lốc” thì người thắng sẽ trả cho Nguyễn Quốc L 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) tiền “hồ”.

Trước khi đánh bạc: T1 bỏ ra 4.000.000đ (bốn triệu đồng); Nguyễn Thị L bỏ ra 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng); Khổng Văn H bỏ ra 2.125.000đ (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Khổng Minh T bỏ ra 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc; Chu Văn T mang theo 2.100.000đ để đánh bạc, giữ lại 1.500.000đ trong người và đã bỏ ra chiếu bạc là 600.000đ, trong khi đánh Chu Văn T thắng bạc được 410.000đ nên đã cắt vào trong số tiền trên người tổng cộng được 1.910.000đ. Quá trình đánh bạc, do chưa có ai có ván bài báo nên Nguyễn Quốc L chưa thu được tiền hồ.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Phạm Văn H, Khổng Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị L, Khổng Văn H, Khổng Minh T và Chu Văn T đang đánh bạc tại nhà Nguyễn Quốc L thì bị Công an thị xã Đông Triều phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: Tại chiếu bạc thứ nhất: Số tiền 8.700.000đ (tám triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân và 01 (một) chiếc thảm đỏ. Ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động OPPO và 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng); Khổng Văn T 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 và 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); Phạm Văn H 01 (một) điện thoại OPPO và 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng); Nguyễn Văn Đ 01 (một) điện thoại OPPO, 01 (một) điện thoại Nokia và 13.050.000đ (mười ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tại chiếu bạc thứ hai: Số tiền 13.215.000đ (mười ba triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng); 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân và một chiếc thảm màu đỏ. Ngoài ra còn thu giữ của T1 01 (một) điện thoại Iphone 6; Nguyễn Thị L 01 (một) điện thoại Iphone 8 Plus; Hưng 01 (một) điện thoại Iphone 7 và 01 (một) điện thoại Nokia; Khổng Minh T 01 (một) điện thoại Iphone 11 Pro và số tiền 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng); Chu Văn T 01 (một) điện thoại Iphone XS Max và số tiền 1.910.000đ (một triệu chín trăm mười nghìn đồng). Đồng thời thu giữ của Luật 01 (một) điện thoại OPPO.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS-ĐT ngày 13 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc L về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Khổng Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn , Khổng Văn H, Chu Văn T, Khổng Minh T và Phạm Văn H về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử: - Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc L phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”; bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Khổng Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T, Khổng Văn H, Chu Văn T, Khổng Minh T và Phạm Văn H phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng, về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, giao bị cáo cho UBND phường C, thị xã D, giám sát và giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng, về tội “*Đánh bạc*”, giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND phường C, thị xã D và giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND phường P, thành phố U, giám sát giáo dục các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Khổng Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng, về tội “*Đánh bạc*”

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L, từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng về tội “*Đánh bạc*”, giao các bị cáo cho UBND phường C giám sát giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; Điều 17, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1, Chu Văn T, Khổng Văn H, Khổng Minh T và Phạm Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng về tội “*Đánh bạc*”, giao các bị cáo Nguyễn Văn T1, Chu Văn T, Khổng Văn H, Khổng Minh T cho UBND phường C, thị xã D và giao bị cáo Phạm Văn H cho UBND phường H, thị xã D giám sát giáo dục các bị cáo.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

- + Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 23.825.000đ thu tại chiếu bạc.
- + Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ, 02 chiếc thăm đỏ.
- + Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6 thu giữ Nguyễn Văn T1, 01 điện thoại OPPO của Nguyễn Quốc L.
- + Trả lại cho các bị cáo Khổng Minh T số tiền 12.500.000đ; Nguyễn Văn T số tiền 3.800.000đ; Nguyễn Văn Đ số tiền 13.050.000đ; Phạm Văn H số tiền

3.600.000đ, Khổng Văn T số tiền 50.000đ, nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều; đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Đông Triều và điều tra viên; của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều và kiểm sát viên trong quá trình điều tra điều hợp pháp và đúng trình tự tố tụng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về diễn biến sự việc xảy ra. Kết hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; biên bản xác định hiện trường; biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/3/2022, tại nhà riêng của Nguyễn Quốc L ở khu 4 phường C, thị xã D, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Quốc L có hành vi tổ chức cho 09 người trên hai chiếu đánh bạc thắng thua bằng tiền, gồm chiếu thứ nhất có Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Khổng Văn T và Phạm Văn H, đánh bạc thắng thua dưới hình thức “đánh phỏm” và “đánh lốc” với tổng số tiền 8.700.000đ (Tám triệu bảy trăm nghìn đồng); chiếu thứ hai có Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Chu Văn T, Khổng Văn H và Khổng Minh T, đánh bạc thắng thua dưới hình thức “đánh lốc” với tổng số tiền đánh bạc là 15.125.000đ (mười năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) để nhằm mục đích thu tiền hồ. Tổng số tiền Nguyễn Quốc L tổ chức đánh bạc cho hai chiếu bạc là 23.825.000đ (hai mươi ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) thì bị Công an thị xã Đông Triều phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ thu vật chứng.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có thể nhận thức được tác hại của hành vi đánh bạc đối với nếp sống văn minh của xã hội nói chung và với kinh tế, hạnh phúc gia đình mỗi bị cáo nói riêng nhưng vẫn cố tình vi phạm. Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Khổng Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Khổng Văn H, Chu Văn T, Khổng Minh T và Phạm Văn H đã cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Quốc L đã cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[4] Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy

định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Điều 322 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm 05 năm.

a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000đ trở lên hoặc tổ chức cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000đ trở lên.

...”.

[5] Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều và quan điểm của kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa truy tố các bị cáo ra xét xử trước Tòa án theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan, cần chấp nhận. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai và áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra là cần thiết.

[6] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

+ Đối với hành vi tổ chức đánh bạc: bị cáo L thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc không có đồng phạm;

+ Đối với nhóm thực hiện hành vi đánh bạc: đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn T là những người khởi xướng việc đánh bạc nên giữ vai trò chính ngang nhau. Các bị cáo Khổng Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Khổng Văn H, Chu Văn T tham gia tích cực nên có vai trò ngang nhau sau bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn T. Các bị cáo Khổng Minh T và Phạm Văn H tham gia có mức độ nên giữ vai trò sau cùng. Việc đánh giá vai trò và cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo cần xem xét đến số tiền của từng bị cáo bỏ ra để tham gia đánh bạc và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt cụ thể đối với các bị cáo cho phù hợp.

[7] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án:

[7.1] Tình tiết tăng nặng:

[7.2] Tình tiết giảm nhẹ:

Sau khi phạm tội, các bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Khổng Văn H, Chu Văn T, Khổng Minh T và Phạm Văn H đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo Nguyễn

Quốc L, Nguyễn Thị L có bà nội là Nguyễn Thị L được Nhà nước trao tặng Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo L trực tiếp thờ phụng 02 liệt sỹ; bị cáo Khổng Văn T có bố đẻ là ông Khổng Văn N được tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; bị cáo Nguyễn Văn Đ có ông nội là liệt sỹ được tặng bằng khen Tổ quốc ghi công; bị cáo Nguyễn Văn T có anh trai ruột được nhà nước tặng thưởng huy chương vì an ninh tổ quốc, có đóng góp cho Nhà nước. Vì vậy xem xét cho các bị cáo Nguyễn Quốc L, Nguyễn Thị L, Khổng Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

[7.3] Về nhân thân:

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Quốc L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Khổng Văn H, Chu Văn T, Khổng Minh T và Phạm Văn H đều có nhân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ và Khổng Văn T có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy trước đó đã bị từng bị xét xử về hành vi vi phạm pháp luật nhưng thời gian xóa án tích đến nay được coi là nhân thân tốt, quá trình sinh sống ở địa phương chấp hành tốt pháp luật. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, xét điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Đối với các bị cáo Nguyễn Quốc L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Khổng Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Khổng Văn H, Chu Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ vào khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự và theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, có thể cho các bị cáo này được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện.

Đối với các bị cáo Khổng Minh T và Phạm Văn H, ngoài việc có nhân thân tốt và được hưởng những tình tiết giảm nhẹ nêu trên, tham gia với vai trò sau cùng nên chỉ cần phạt các bị cáo một khoản tiền sung vào ngân sách nhà nước cũng đủ để các bị cáo nhận thức được sai phạm của mình, tích cực tu dưỡng rèn luyện bản thân, chăm lo cho gia đình và trở thành công dân có ích.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 màu xám gắn sim 0347873168 thu giữ của Nguyễn Văn T1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, gắn sim số 0399532495 thu giữ của Nguyễn Quốc L là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước.

- 02 bộ bài tú lơ khơ + 02 tấm vải màu đỏ là những phương tiện các bị cáo phạm tội không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 12.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Khổng Minh T; số tiền 3.800.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T; số tiền 13.050.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ; số tiền 3.600.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Văn H; số tiền 50.000 thu giữ của bị cáo Khổng Văn T không chứng minh được là tiền sử dụng vào

việc đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo, nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Các vấn đề khác: Các biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đang áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Quốc L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Khổng Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Khổng Văn H, Chu Văn T, Khổng Minh T và Phạm Văn H cần tuyên hủy bỏ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quốc L phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[2] Căn cứ: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Khổng Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Khổng Văn H, Chu Văn T, Khổng Minh T và Phạm Văn H phạm tội “*Đánh bạc*”.

[3] Căn cứ: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (*mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*hai bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (*mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*hai bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4] Căn cứ: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Khổng Văn T 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5] Căn cứ: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 06 (*sáu*) tháng tù nhưng, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[6] Căn cứ: khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Điều 17, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù nhưng, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Chu Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Không Văn H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Quốc L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Không Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Không Văn H và Chu Văn T cho Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[7] Căn cứ: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các Điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Phạt tiền bị cáo Không Minh T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Phạm Văn H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

[8] Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ + 02 (hai) tấm vải màu đỏ.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone 6 màu xám gắn sim 0347873168; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, gắn sim số 0399532495.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 91 ngày 16/6/2022 giữa Công an thị xã Đông Triều và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều).

- Trả lại các bị cáo Không Minh T số tiền 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng; Nguyễn Văn T số tiền 3.800.000 (ba triệu tám trăm nghìn) đồng; Nguyễn Văn Đ số tiền 13.050.000 (mười ba triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng; Phạm Văn H số tiền 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng, Không Văn T số tiền 50.000 (năm mươi nghìn) đồng, nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án (Theo phiếu nhập kho ngày 30/5/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đông Triều và Kho bạc nhà nước thị xã Đông Triều).

- Hủy bỏ biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” đối với Nguyễn Quốc L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Không Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Không Văn H, Chu Văn T, Không Minh T và Phạm Văn H. Các Quyết định

“Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ số 94 đến 103/2022/QĐ-CĐKNCT-TA ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định “Tạm hoãn xuất cảnh” từ số 126 đến 135/2022/QĐ-THXC – TA ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[9] Căn cứ: khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Buộc Nguyễn Quốc L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, Khổng Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Khổng Văn H, Chu Văn T, Khổng Minh T và Phạm Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều; Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Bình